

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T**

- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2020/TLST-KDTM ngày 06/7/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-KDTM ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ quận HK, Th phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Th2 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng C, Chi nhánh T.

Anh Phạm Minh T2, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng C, chi nhánh T.

- Bị đơn: Ông Trương Văn Th, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1979.

Đều có địa chỉ tại: Thôn TC, xã NH, huyện T1, tỉnh T.

(*anh Tấn có mặt; ông Th, bà V vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Văn Th, bà Nguyễn Thị V (người đại diện là ông Trương Văn Th) có vay tiền của Ngân hàng C- Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số

2085/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 21/11/2014. Loại vay: Ngắn hạn; số tiền cho vay: 300.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (21/11/2014); thời gian trả nợ cuối cùng: 21/11/2015; mục đích vay: Mua ngao giống. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V trả nợ đúng cam kết, tuy nhiên ông Th và bà V mới trả nợ 4.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn đến ngày 30/6/2015 là 7.600.000 đồng cho Ngân hàng; tính đến ngày khởi kiện 25/6/2020, ông Th và bà V còn nợ Ngân hàng số tiền là 512.725.106 đồng (năm trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn một trăm linh sáu đồng) trong đó nợ gốc là 296.000.000 đồng, nợ lãi là 216.725.106 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Th và bà V có thể chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7512/HĐTC ngày 29/10/2012, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 108,7m² tại thửa đất số 1227(3), tờ bản đồ số 02; tài sản trên đất là nhà mái bằng kèm các công trình phụ trợ diện tích sử dụng khoảng 100 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 547411, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 001054 QSDĐ/391/QĐ-UB(H) do UBND huyện T1 cấp ngày 11/05/2004; có địa chỉ tại: thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T; chủ sở hữu tài sản là ông Trương Văn Th. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai và các biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/7/2020 và ngày 20/8/2020 bị đơn là ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V có ý kiến: Ông, bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C như trình bày như trên. Gia đình ông, bà có nguyện vọng trả dần số tiền nợ gốc từ nay đến cuối năm và xin toàn bộ tiền nợ lãi (bà Nguyễn Thị V có biên bản lấy lời khai, bà không đến tham gia công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, bà V có giấy ủy quyền cho ông Trương Văn Th tham gia tố tụng). Tuy nhiên, Ngân hàng C không đồng ý với phương án trả nợ của ông Th và bà V.

Ngày 10/9/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, ông Th đến phiên tòa, bà V không đến tham gia phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 25/9/2020. Tại phiên tòa hôm nay, ông Th, bà V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V có vay tiền của Ngân hàng C theo Hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 21/11/2014, mục đích vay là mua ngao giống. Ông Th và bà V đều có địa chỉ tại thôn TC, xã NC, huyện T1, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý giải quyết vụ kiện về “Tranh chấp

hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, ông Th, bà V vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép Th lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V nuôi ngao kinh doanh. Hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 21/11/2014 giữa Ngân hàng C- Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 và ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 21/11/2014 giữa Ngân hàng C- Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 và ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V ký kết thì chậm nhất là ngày 21/11/2015, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, đến thời hạn trên, ông Th, bà V mới trả nợ 4.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn đến ngày 30/6/2015 là 7.600.000 đồng cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tuy nhiên ông Th và bà V không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã có 13 biên bản làm việc với ông Th, bà V, biên bản gần nhất là ngày 15/06/2020. Do quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm, Ngân hàng C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trương Văn Th, bà Nguyễn Thị V; ông Th đến Tòa án, bà V không đến Tòa án nhưng đã có biên bản lấy lời khai thể hiện quan điểm của mình đồng thời ủy quyền cho ông Th tham gia tố tụng. Do vậy, mọi ý kiến của ông Th cũng là ý kiến của bà V.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng C- Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 và ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 21/11/2014, số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 21/11/2014); lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của bên cho vay theo từng thời kỳ, tại thời điểm vay lãi suất áp dụng là 9,5%/năm, được điều chỉnh 01 tháng/lần, ngoài ra trong hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất quá hạn; phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 30 cuối tháng; ngày 21/11/2015 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là mua ngao giống.

Việc ông Th, bà V ký kết hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 21/11/2014 với Ngân hàng C- Chi nhánh T để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 là hợp pháp. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông

Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V trả nợ đúng cam kết, tuy nhiên ông Th và bà V mới trả nợ 4.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn đến ngày 30/6/2015 là 7.600.000 đồng cho Ngân hàng. Do ông Th, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng C khởi kiện ông Th, bà V; tính đến ngày xét xử 25/9/2020, ông Th và bà V còn nợ Ngân hàng số tiền là 524.295.958 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi nhăm nghìn chín trăm năm mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 296.000.000 đồng, nợ lãi là 228.295.958 đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi ông Th và bà V không thực hiện đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V phải trả nợ gốc đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 2085/2014-HĐTD/NHCT360 với số tiền là 296.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng C yêu cầu ông Th và bà V phải trả lãi và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 22/11/2015 đến ngày xét xử 25/9/2020, cụ thể: Tiền lãi trong hạn là 16.258.333 đồng và lãi quá hạn là 212.037.625 đồng, tổng số là 228.295.958 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng C phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông Th và bà V có thể chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7512/HĐTC ngày 29/10/2012, gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 108,7m² tại thửa đất số 1227(3), tờ bản đồ số 02; tài sản trên đất là nhà mái bằng kèm các công trình phụ trợ diện tích sử dụng khoảng 100 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 547411, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 001054 QSDĐ/391/QĐ-UB(H) do UBND huyện T1 cấp ngày 11/05/2004; có địa chỉ tại: thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện T1, tỉnh T; chủ sở hữu tài sản là ông Trương Văn Th. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ Ngân hàng. Trong trường hợp ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 xác định tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi gì.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Th và bà V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Ông Th và bà V có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Ngân hàng C.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Th và bà V phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng), cụ thể: 20.000.000 đồng + (124.295.958 đồng x 4%) = 24.971.838 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi một nghìn tám trăm ba mươi tám đồng). Tuy nhiên, ông Th là con liệt sỹ, bà V là con thương binh, nạn nhân chất độc màu da cam, vợ chồng ông Th, bà V trực tiếp thờ cúng liệt sỹ, có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Th, bà V không phải nộp án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 342, 351, 471, 474, 715 và 721 Bộ luật dân sự 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng C các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 296.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng);
- Lãi trong hạn: 16.258.333 đồng (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).
- Lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2020 là: 212.037.625 (Hai trăm mười hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2020 ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng C là: 524.295.958 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi nhăm nghìn chín trăm năm mươi tám đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7512/HĐTC ngày 29/10/2012, gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 108,7m² tại thửa đất số 1227(3), tờ bản đồ số 02; tài sản trên đất là nhà mái bằng kèm các công trình phụ trợ diện tích sử dụng khoảng 100 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 547411, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 001054 QSDĐ/391/QĐ-UB(H) do UBND huyện T1 cấp ngày 11/05/2004; có địa chỉ tại: thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T; chủ sở hữu tài sản là ông Trương Văn Th.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho Ngân hàng C.

4. Về án phí:

Ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị V được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 12.245.500 đồng (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009605 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1
- Các đương sự
- TAND tỉnh T
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Ngọc Huyền